

Số: 663/QĐ-HVHKVN-ĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế chỉ tại Học viện Hàng không Việt nam”

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư sửa đổi, bổ sung số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng đào tạo,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Học viện Hàng không Việt nam” kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quy chế này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2014. Các quyết định trước đây do Giám đốc Học viện ban hành trái với quyết định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Các ông (bà) trưởng các Phòng, Khoa, thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên thuộc Học viện Hàng không Việt nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên

## QUY CHẾ

### Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Học viện Hàng không Việt nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17 tháng 9 năm 2014  
của Giám đốc Học viện Hàng không Việt nam)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng trong Học viện Hàng không Việt nam (sau đây gọi tắt là Học viện) thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

#### Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) là một hệ thống thể hiện rõ: ngành và chuyên ngành đào tạo, trình độ đào tạo; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học khi tốt nghiệp; điều kiện tốt nghiệp; nội dung chương trình đào tạo theo thời gian thiết kế.

2. Một chương trình đào tạo bao gồm những thông tin chung về chương trình đào tạo và nội dung của chương trình đào tạo. Nội dung của chương trình đào tạo được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần. Học phần trong chương trình đào tạo được quản lý theo quy định về quản lý học phần do Giám đốc Học viện ban hành.

4. Các chương trình đào tạo trong Học viện có khối lượng của mỗi chương trình không dưới 180 tín chỉ đối với khoá đại học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khoá đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khoá đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 3 năm; 60 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 2 năm.



5. Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết của từng học phần được xây dựng theo quy định về xây dựng bộ chương trình đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ do Giám đốc Học viện ban hành.

### **Điều 3. Học phần, tín chỉ và lớp học**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Nội dung học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

2. Các loại học phần.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Học viện nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

c) Học phần thay thế là học phần đang được tổ chức giảng dạy tại Học viện và được cho phép tích lũy thay thế một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng không tổ chức giảng dạy. Học phần thay thế phải có thời lượng tương đương và nội dung tri thức gần với học phần được thay thế. Nếu học phần thay thế có số tín chỉ ít hơn, sinh viên phải học thêm các học phần tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo.

d). Học phần tiên quyết là học phần bắt buộc sinh viên hoàn thành trước khi đăng ký và học học phần mới.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Số tiết, số giờ đối với từng học phần; số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần (số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên); đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp được quy định cụ thể trong từng chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần. Một tiết học được tính bằng 50 phút

5. Sinh viên học tập tại Học viện được quản lý theo đơn vị lớp và phải đóng học phí theo quy định về đóng học phí của Học viện. Mỗi lớp có mã số thể hiện



khoa quản lý, ngành, khóa đào tạo và do một giáo viên chủ nhiệm phụ trách. Giáo viên chủ nhiệm đồng thời đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập.

6. Học phần được tổ chức giảng dạy theo lớp học phần. Lớp học phần có mã số riêng được mở cho các sinh viên đăng ký học trong thời khóa biểu của các học kỳ. Số lượng sinh viên mỗi lớp học phần được Học viện quy định cụ thể trong từng học kỳ.

#### **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

1. Thời gian hoạt động giảng dạy được quy định trong thời khóa biểu năm học và học kỳ do Phòng đào tạo xây dựng và được Giám đốc Học viện phê duyệt.

2. Thời gian giảng dạy trong tuần: từ thứ 2 đến thứ 7.

3. Thời gian giảng dạy trong ngày: buổi sáng bắt đầu lúc 7h00'; buổi chiều bắt đầu từ 13h00'.

#### **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập và điểm xét học bổng**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ chính qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ dựa theo kế hoạch đào tạo chuẩn trong chương trình đào tạo được Giám đốc Học viện ban hành (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ loại đạt tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

## **Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Học viện tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Thời gian của khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo, được quy định cụ thể trong các chương trình đào tạo do Giám đốc Học viện ban hành;

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, tùy từng điều kiện cụ thể Giám đốc Học viện xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ trong thời gian nghỉ hè để sinh viên có

